

# VỀ NGUYÊN TẮC QUYỀN TỰ ĐỊNH ĐOẠT CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

Lê Minh Hải\*

**N**guyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự bắt nguồn từ nguyên tắc bảo đảm quyền tự quyết của các bên đối với các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ dân sự, được thể hiện ở khả năng những người tham gia tố tụng *tự định đoạt* các quyền năng dân sự của mình nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm hại. Đây là các quyền chung nhất của đương sự trong quan hệ dân sự nói chung và tố tụng dân sự nói riêng. Tại nhiều quốc gia, quyền *tự định đoạt* trở thành một nguyên tắc quan trọng của đương sự trong quan hệ dân sự tố tụng và được nhiều luật gia chia sẻ, bình luận.

Trong bài viết này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu nguồn gốc hình thành quyền tự định đoạt trong tố tụng của đương sự trong mối tương quan với nhóm quyền dân sự và quyền con người.

## 1. Mối quan hệ giữa quyền dân sự và quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự

Có thể nói, quyền tự định đoạt là quyền năng cơ bản của đương sự nằm trong nhóm quyền về dân sự trong hệ thống quyền con người. Phân tích và đánh giá về quyền tự định đoạt, chúng ta cần phải đặt nó trong mối quan hệ biện chứng với nhóm quyền dân sự nói chung. *Quyền dân sự là những quyền được thực hiện trong lĩnh vực quan hệ dân sự.* Trong xã hội có giai cấp, hành vi của con người hình thành nên hai nhóm quan hệ cơ bản: quan hệ giữa cá nhân (công dân) với Nhà nước và quan hệ giữa các công dân (cá nhân) với nhau. Trong đó, nhóm

quan hệ thứ nhất được hình thành do nhu cầu điều hành và quản lý xã hội của Nhà nước với tư cách là cơ quan công quyền nhằm bảo đảm trật tự xã hội. Yếu tố quyền lực nhà nước là dấu hiệu đặc trưng có giá trị chi phối phổ biến ở nhóm quan hệ này. Nhóm quan hệ thứ hai là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân (xã hội) không chứa đựng yếu tố quyền lực nhà nước, gọi là quan hệ dân sự. Như vậy, theo nghĩa rộng, quan hệ dân sự là loại quan hệ mà khi tham gia, các bên hoàn toàn có quyền bình đẳng với nhau về mọi phương diện với tư cách là một con người trong xã hội.

Xét theo nghĩa hẹp trên phương diện pháp lý, các bên khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự được các quy phạm pháp luật (QPPL) dân sự điều chỉnh phổ biến bằng phương thức bình đẳng, thoả thuận, tức là, các bên tự quyết và tự định đoạt việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình tham gia quan hệ pháp luật đó.

Trong các văn kiện quốc tế về quyền con người, các học giả hiện đại đã phân chia nhóm quyền dân sự thuộc về *thế hệ quyền thứ nhất*, tức là ra đời sớm hơn so với các nhóm quyền khác như: quyền về kinh tế, xã hội, văn hoá, quyền phát triển, được sống trong hoà bình...

*Về mặt nội dung*, quyền dân sự được hiểu dưới quan điểm hiện đại là nhóm quyền liên quan mật thiết đến quyền tự do cá nhân, tự do định đoạt như: quyền tự do đi lại, cư trú, quyền khiếu nại, tố cáo, quyền nhân thân, quyền thừa kế, sở hữu... Đó là những quyền không ai có thể tước đoạt được của mỗi cá nhân (công dân). Tuy vậy, cả về mặt thực tiễn và lý luận, các quyền về dân sự không phải hoàn toàn là những quyền tự

\* Ths. Trương Văn phòng Luật sư Royal.

do một cách tuyệt đối, vượt qua những điều kiện ràng buộc khách quan. Tức là, *các quyền dân sự của chủ thể chỉ được bảo đảm thực hiện khi dựa trên các điều kiện kinh tế, xã hội, tập quán và hệ thống pháp luật quốc gia*. Điều này là một giá trị phổ biến. “Thực hiện quyền dân sự không thể đặt trong môi trường chân không, mà cần thiết phải căn cứ vào điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể”<sup>1</sup>.

Trong xã hội hiện đại - xã hội công dân, thì hình thức nhà nước tiến bộ nhất là Nhà nước pháp quyền, đóng vai trò là hạt nhân trong kết cấu hệ thống chính trị - xã hội. Trong đó, con người vừa là *trung tâm*, vừa là *chủ thể* của sự phát triển xã hội. Ở đó, các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực đời sống dân sự là bộ phận không thể thiếu trong bộ phận cấu thành hệ thống nhu cầu và lợi ích của con người. Tuy nhiên, khi nói đến hệ thống quyền về dân sự không phải là quyền chung chung mà đó là các quyền cụ thể gắn liền với khái niệm công dân, tức là nó được pháp luật quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Và như vậy, với ý nghĩa đó, các quyền về dân sự nói chung và quyền tự định đoạt của đương sự nói riêng ở đây được nghiên cứu ở phạm vi hẹp. Đó là quá trình hình thành quyền trên phương diện pháp lý. Ở phương diện này, các quyền dân sự của cá nhân (công dân) có liên hệ chặt chẽ với thiết chế quyền lực nhà nước. Tức là, quyền dân sự của cá nhân ở đây được mở rộng hay thu hẹp phụ thuộc vào quá trình dân chủ, chế độ chính trị... của Nhà nước được thiết lập đối với công dân của mình rộng hay hẹp. Và đương nhiên, trong hệ thống chính trị - xã hội hiện đại, Nhà nước pháp quyền “với các thiết chế tiến bộ, đã trở thành phương thức chủ yếu để mở rộng tự do dân

chủ chính trị và các tự do dân chủ khác. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo quyền trên khía cạnh dân sự, chính trị”<sup>2</sup>.

Có thể nói, đặc trưng cơ bản nhất của quan hệ dân sự là các chủ thể có địa vị pháp lý bình đẳng, tức là họ có *quyền tự quyết và định đoạt đối với các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia các hệ pháp luật dân sự*. Đây là đặc điểm phản ánh bản chất của quan hệ dân sự, là căn cứ để phân biệt quan hệ pháp luật dân sự với các quan hệ pháp luật khác. Và trong tố tụng dân sự, thuộc tính “tự định đoạt” của các đương sự trở thành một nguyên tắc cơ bản và quan trọng.

## 2. Khái niệm và bản chất của quyền tự định đoạt

### 2.1 Khái niệm quyền tự định đoạt

Quyền tự định đoạt của đương sự (hay còn gọi là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự) trong tố tụng dân sự bắt nguồn từ quyền tự quyết (bình đẳng về địa vị pháp lý, tự do về ý chí) của các bên đối với các vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ dân sự. Trong tố tụng dân sự, quyền tự định đoạt của các đương sự thể hiện ở khả năng những người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) tự do định đoạt các quyền và các phương tiện tố tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các nguy cơ bị xâm hại. Đây cũng là quyền năng đặc thù của các đương sự được thừa nhận phổ biến trong pháp luật tố tụng dân sự trên thế giới, xuất phát từ bản chất của các quan hệ dân sự. Ở nước ta, quyền tự định đoạt của đương sự vừa là một nội dung, vừa là một nguyên tắc trong tố tụng dân sự. Theo cuốn Thuật ngữ pháp lý thì: “*quyền tự định đoạt của đương sự là quyền của nguyên đơn được tự mình nộp đơn kiện, rút đơn kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện, tự mình hoà giải với bị đơn; Bị đơn có quyền chấp nhận hoặc bác bỏ yêu*

<sup>1</sup> Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1997), *Một số vấn đề về quyền chính trị dân sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 38.

<sup>2</sup> Sdd, tr. 35

*câu của nguyên đơn, hoà giải với nguyên đơn”<sup>1</sup>.*

Có ý kiến khác cho rằng, quyền tự định đoạt của đương sự không chỉ bao gồm các hành vi tố tụng được liệt kê như ở trên đây mà còn nhiều quyền tố tụng khác đương sự sẽ sử dụng trong suốt quá trình tố tụng. Mặt khác, các chủ thể là đương sự trong tố tụng dân sự không chỉ có nguyên đơn và bị đơn mà còn có những người tham gia tố tụng khác khi họ có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc việc dân sự đó, thì họ cũng được coi là đương sự.

Dựa trên cơ sở kinh tế - xã hội, phạm trù “quyền tự định đoạt của đương sự” phản ánh bản chất của quan hệ dân sự. Đó là các quan hệ xã hội được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Trên cơ sở đó, các bên tham gia quan hệ pháp luật dân sự là hoàn toàn tự nguyện. Quyền tự định đoạt của các bên trong giao lưu dân sự và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ này được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện trên thực tế. Trong đó, các quy phạm pháp luật thủ tục (tố tụng) được xây dựng phải phù hợp và phản ánh đầy đủ, toàn diện các quan hệ xã hội được ghi nhận trong pháp luật nội dung. Hay nói cách khác, không có các quy phạm pháp luật nội dung thì không có pháp luật hình thức (thủ tục), các quyền dân sự là căn cứ làm phát sinh các quyền trong tố tụng dân sự. Như vậy, quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự được hình thành và bắt nguồn từ bản chất của các quan hệ dân sự.

Ở một khía cạnh khác, sẽ là sai lầm và phiến diện nếu chỉ đề cập tới phạm trù “quyền” mà không nói đến “nghĩa vụ”. Theo nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong Triết học Mác, các sự vật, hiện tượng

trong thế giới đều vận động và tồn tại trong mối liên hệ ràng buộc và chuyển hoá lẫn nhau. Con người và các thuộc tính của con người (trong đó có quyền và nghĩa vụ) cũng không nằm ngoài quy luật đó. Mác đã từng nói trong *Tuyên bố quốc tế I*: “không có quyền lợi không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ không có quyền lợi”. Hơn nữa, “quyền” và “nghĩa vụ” là một cặp phạm trù pháp lý, là hai mặt đối lập nằm trong cùng một sự kiện, cùng mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, thậm chí chúng sẽ chuyển hoá cho nhau. Cũng bởi theo Mác: “...Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội...”<sup>4</sup>. Điều đó cho thấy rằng, trong quan hệ xã hội, không có cá thể người nào tồn tại mà không có mối quan hệ với cá nhân, tổ chức khác (con người - xã hội). Vì vậy, trong quan hệ dân sự, việc chủ thể (hoặc đương sự) thực hiện quyền không phải là quyền chung chung, trừu tượng mà phải xác định được việc thực hiện quyền đó với đối tượng nào; chủ thể nào là người có nghĩa vụ hoặc trong một vụ án dân sự, nguyên đơn phải xác định được bị đơn. Tuy nhiên, xét trên phương diện tố tụng, mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ trong từng trường hợp cụ thể, ở mỗi giai đoạn tố tụng nhất định, địa vị pháp lý của các đương sự có thể cũng thay đổi như nguyên đơn trở thành bị đơn, người có quyền có thể trở thành người thực hiện nghĩa vụ...

Quay trở lại khái niệm quyền tự định đoạt của đương sự. Trên thực tế, nói đến khái niệm “quyền” thì nội hàm của nó đã bao hàm cả tính “tự định đoạt” của chủ thể có quyền. Nhưng không phải trong mọi trường hợp thuộc tính “tự định đoạt” cũng được phản ánh đầy đủ trong phạm vi quyền. Điều đó còn phụ thuộc vào quyền năng đó của chủ thể được thực hiện trong lĩnh vực quan hệ pháp luật nào: quan hệ pháp luật

<sup>3</sup> Nguyễn Duy Lâm, Nguyễn Thành (2004), *Thuật ngữ pháp lý dùng trong hoạt động Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 284.

<sup>4</sup> C. Mác - Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, T4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 11.

dân sự, quan hệ pháp luật hành chính hay quan hệ pháp luật hình sự... Chỉ trong các quan hệ dân sự thì quyền “tự định đoạt” của chủ thể mới được sử dụng rộng rãi và sâu sắc. Thuộc tính “tự định đoạt” của chủ thể được biểu hiện thông qua các hành vi phổ biến như: quan hệ bình đẳng, tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Mặt khác, khẳng định quyền tự định đoạt của đương sự là nhấn mạnh quyền của đương sự tự quyết định các vấn đề mình lựa chọn và thực hiện trong suốt quá trình của tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự cũng có thể uỷ quyền cho người khác thực hiện một số hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về các đương sự.

Một khía cạnh khác nữa của quyền tự định đoạt mà chúng tôi đề cập đến ở đây là phạm vi của quyền. Đó là, các đương sự chỉ có quyền định đoạt những vấn đề, nội dung trong phạm vi mà (do) mình “sở hữu” và được pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận và bảo vệ trên thực tế. Như vậy, khái niệm quyền và phạm vi quyền của đương sự ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp, đó là các quyền được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự, và đặt nó trong mối quan hệ với quyền công dân (chứ không phải là quyền con người). Trong tố tụng dân sự, quyền tự định đoạt của đương sự được khái quát như sau: *đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó; trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi các yêu cầu của mình hoặc thoả thuận với nhau một cách tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội*<sup>5</sup>.

Từ sự phân tích trên có thể rút ra những đặc trưng quyền tự định đoạt của đương sự như sau:

*Thứ nhất*, quyền tự định đoạt của đương sự là hệ thống quyền tố tụng mà trong suốt quá trình tố tụng các đương sự có quyền tự mình lựa chọn các phương thức, tự mình bàn bạc, thoả thuận và đưa ra quyết định cuối cùng để giải quyết vụ việc dân sự.

*Thứ hai*, quyền tự định đoạt của đương sự có mối quan hệ biện chứng với quyền công dân. Thêm vào là quyền tố tụng của đương sự chỉ thực sự “hiện hữu” khi được quy phạm pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận và bảo vệ, tức là sự giới hạn của phạm vi quyền.

*Thứ ba*, khi chúng ta xem xét nội dung quyền của đương sự phải được đặt trong mối quan hệ với phạm trù nghĩa vụ. Đó là sự thống nhất của hai mặt đối lập. Quyền chỉ được thực hiện thông qua nghĩa vụ, tức là khi nghĩa vụ được thực hiện.

*Thứ tư*, phạm trù “quyền” chỉ có tính chất tương đối. Ở các giai đoạn tố tụng khác nhau, trong một sự kiện pháp lý cụ thể, quyền có thể chuyển hoá thành nghĩa vụ và ngược lại;

*Thứ năm*, trong vụ án dân sự, đương sự có nghĩa vụ (chứ không phải có quyền) cung cấp chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình. Các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ có nhiệm vụ xem xét các tình tiết và thu thập thêm chứng cứ (nếu thấy cần thiết) để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được chính xác;

*Thứ sáu*, quyền tự định đoạt của đương sự là nhóm quyền về hình thức, thủ tục, được quy định bởi các quyền nội dung, tức các quan hệ dân sự.

Như vậy, quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự là tổng thể các quyền của đương sự được quy phạm pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận và bảo vệ trong việc lựa chọn và tự mình quyết định các hành vi tố tụng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích

<sup>5</sup> Bộ luật Tố tụng Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, Điều 5.

hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

**2.2 Bản chất quyền tự định đoạt của đương sự**

Theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin thì "bản chất là phạm trù chỉ sự tổng hợp tất cả các mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật".

Theo đó, bản chất của quyền tự định đoạt là những mặt những mối liên hệ tất nhiên, quy định sự vận động và phát triển của nội dung quyền với các quyền khác. Nó chỉ ra mối liên hệ tất yếu giữa quyền tự định đoạt của đương sự với các quyền dân sự nói chung.

Theo quan điểm của PGS. TS. Phạm Hữu Nghị thì "quyền tự định đoạt của các đương sự trong tố tụng dân sự là sự phản ánh của quyền tự định đoạt của các chủ thể trong mối quan hệ dân sự..., nó có nguồn gốc từ tính chất của các quan hệ dân sự"<sup>6</sup>.

Còn theo TS. Nguyễn Ngọc Khánh thì "quyền tự định đoạt của đương sự bắt nguồn từ nguyên tắc bảo đảm quyền tự quyết của các bên đối với các vấn đề liên quan đến quyền trong quan hệ dân sự"<sup>7</sup>.

Từ những phân tích và khái quát trên đây có thể rút ra quyền tự định đoạt của đương sự có các bản chất sau:

*Thứ nhất*, quyền tự định đoạt của các đương sự trong tố tụng dân sự là các quyền được quy định trong các quy phạm pháp luật hình thức, được phát sinh bởi các quyền dân sự do pháp luật nội dung quy định. Điều đó hoàn toàn phù hợp với lý luận của phép duy vật biện chứng, đó là, xét trong sự thống nhất thì nội dung quyết định hình

thức. Hình thức là cái phản ánh nội dung, phù hợp với nội dung. Với ý nghĩa đó, nội dung của quyền dân sự quyết định sự tồn tại quyền của đương sự trong tố tụng. Nếu các quyền dân sự của chủ thể trong quan hệ dân sự không được xác lập, hoặc không được pháp luật thừa nhận về mặt nội dung thì các quyền tố tụng của đương sự cũng sẽ không tồn tại trên thực tế. Các quyền tố tụng chỉ là sự phản ánh các quyền trong pháp luật nội dung. C. Mác đã từng nói: "Thủ tục tố tụng chỉ là hình thức tồn tại luật" hay "tố tụng là hình thức bảo vệ pháp luật"<sup>8</sup>.

Như vậy, pháp luật tố tụng dân sự là phương thức bảo đảm cho các quan hệ dân sự trong pháp luật nội dung được bảo đảm thực hiện triệt để.

*Thứ hai*, quyền tự định đoạt của các đương sự trong tố tụng dân sự có nguồn gốc từ tính chất các quan hệ diễn ra trong đời sống dân sự của xã hội nói chung. Mà bản chất của các hành vi đó được xác lập trên cơ sở tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thoả thuận và bình đẳng.

Trên phương diện chung nhất để nhìn nhận nguồn gốc quyền, có thể nói tính "tự định đoạt" xét theo nghĩa rộng xuất hiện gắn liền với bản chất của con người. Tức là nó mang bản chất "loài" (nhân loại), là cái vốn có nội tại của con người. Điều này được khẳng định, khi một con người sinh ra *dấy đủ*, họ có quyền được hưởng tất cả những giá trị, lợi ích mà "nhân loại" đều được hưởng, trong đó có quyền tự do và bình đẳng về thân phận. Mỗi con người là một chủ thể độc lập (tương đối), gọi là cá nhân (con người tư nhân), có quyền *tự định đoạt* về thân phận của mình. C.Mác nói: "Con người thực là con người tư nhân"<sup>9</sup> hay "tôi sinh ra là người, dù xã hội có thừa nhận hay

<sup>6</sup> Phạm Hữu Nghị, "Hoà giải trong tố tụng", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12-2002, tr. 38.

<sup>7</sup> Nguyễn Ngọc Khánh, "Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong Bộ luật Tố tụng Dân sự Việt Nam", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5-2005, tr. 64.

<sup>8</sup> Phạm Hữu Nghị, "Hoà giải trong tố tụng", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12-2002, tr. 38.

<sup>9</sup> C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, T2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 342.

không cũng thế"<sup>10</sup>. Chính các thuộc tính, bản chất trên đây trở thành "đặc quyền" của mỗi cá nhân trong xã hội, tạo ra cho mỗi con người (cá nhân) có một địa vị tương đối độc lập, làm "cơ sở sinh tồn" trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp, tư tưởng về quyền sở hữu cũng được xây dựng trên tinh thần đó. Khi sở hữu (và sở hữu tư nhân) được xác lập thì tính "tự định đoạt" được cá nhân sử dụng như một giá trị quyền phổ biến trong đời sống dân sự hàng ngày, được pháp luật ghi nhận và đề lên thành "quyền". Đó là quyền sở hữu. Theo Mác, "quyền sở hữu là quyền sử dụng và định đoạt theo ý mình, quyền tùy ý xử lý một vật"<sup>11</sup>. Vận dụng quan điểm của Mác để phân tích có thể thấy, chúng ta chỉ có quyền tự mình quyết định, định đoạt những gì thuộc về mình, của mình, do mình sở hữu.

Như vậy, về bản chất, quyền tự định đoạt của đương sự trong quan hệ dân sự có mối quan hệ hữu cơ với nội dung quyền sở hữu. Là một nội dung nằm trong quyền sở hữu, là sự biểu hiện ra bên ngoài của quyền sở hữu, là yếu tố quyết định việc chuyển giao hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó. Còn trong quan hệ tố tụng, các đương sự chỉ có quyền định đoạt về những vấn đề mà đương sự đã xác lập trong các giao dịch dân sự trước đó, tức là *các quyền được luật nội dung điều chỉnh*.

Mặt khác, như chúng tôi đã đề cập ở trên, trong xã hội có giai cấp, hành vi con người hình thành nên hai nhóm quan hệ chủ yếu.

Thứ nhất, đó là quan hệ giữa cá nhân (công dân) với Nhà nước, trong đó yếu tố quyền lực nhà nước có vai trò chi phối quan hệ này. Tức là ở đây, cá nhân chủ yếu thực thi nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước, gọi là *quan hệ theo chiều dọc*.

Nhóm quan hệ thứ hai là quan hệ giữa các thành viên trong xã hội (cá nhân với cá nhân) với nhau, với tư cách là những chủ thể tương đối độc lập, không bị chi phối bởi quyền lực nhà nước. Vì vậy, cá nhân có quyền bình đẳng với nhau trên phương diện pháp lý. Ở đó, các quyền năng cá nhân trở thành phương tiện thực hiện các hành vi phổ biến để xác lập các quan hệ xã hội trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Đó là các quan hệ dân sự, gọi là *quan hệ theo chiều ngang*.

Khi trình độ phát triển của xã hội càng cao thì các giao lưu dân sự càng trở nên phong phú, phức tạp. Để tham gia vào các quan hệ dân sự, "tự định đoạt" là quyền năng cơ bản của mỗi chủ thể được pháp luật bảo đảm thực hiện. Cá nhân, cơ quan, tổ chức tự bày tỏ ý chí, tự lựa chọn và quyết định thực hiện quyền (và nghĩa vụ) theo động cơ, mục đích của mình trong khuôn khổ của pháp luật. Trường hợp có tranh chấp, các đương sự tự do lựa chọn phương thức giải quyết như tự thoả thuận với nhau hoặc yêu cầu Toà án giải quyết. Khi yêu cầu Toà án giải quyết vụ việc, các đương sự vẫn có quyền tự mình quyết định về nội dung tranh chấp và được Toà án tôn trọng. Sự tham gia của đương sự trong quá trình tố tụng để giải quyết tranh chấp trên cơ sở thoả thuận, tự nguyện là đặc trưng cơ bản nhất của quyền tự định đoạt.

Trong pháp luật tố tụng dân sự hiện hành, quyền tự định đoạt của đương sự là một trong những nguyên tắc cơ bản chi phối hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng. Quyền tự định đoạt của đương sự được thể hiện từ khi khởi kiện hoặc đưa ra các yêu cầu cho đến khi kết thúc vụ án, việc dân sự.

**3. Quyền tự định đoạt với ý nghĩa là một nguyên tắc trong pháp luật tố tụng dân sự ở nước ta hiện nay**

Lý luận về Nhà nước và Pháp luật đã chỉ ra rằng, *nguyên tắc của pháp luật là những tư tưởng pháp lý chỉ đạo toàn bộ các*

<sup>10</sup> C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, T3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 271.

<sup>11</sup> C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, T2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 477.

quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật cũng như hệ thống các ngành luật cụ thể. Luật Tố tụng Dân sự là ngành luật trong hệ thống pháp luật nước ta. Bởi vậy, các nguyên tắc trong tố tụng dân sự cũng là những tư tưởng pháp lý chỉ đạo xuyên suốt trong tất cả các chế định pháp luật tố tụng dân sự.

Như vậy, các nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam (bao gồm nguyên tắc tự định đoạt của đương sự) là những tư tưởng pháp lý chỉ đạo, có ý nghĩa định hướng đối với toàn bộ hệ thống các quy phạm về tố tụng dân sự, qua đó phản ánh những nội dung đặc trưng căn bản của ngành luật này.

Các nguyên tắc trong pháp luật dân sự tố tụng còn thể hiện nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là hệ thống Tòa án. Toàn bộ quá trình tố tụng từ khi khởi kiện cho đến khi kết thúc vụ việc dân sự đều phải được thực hiện trên cơ sở quán triệt các nguyên tắc của tố tụng dân sự. Bất kỳ hành vi nào, do bất kỳ chủ thể nào thực hiện ở bất cứ giai đoạn nào vi phạm các nguyên tắc, thậm chí là tinh thần của các nguyên tắc trong luật tố tụng đều coi là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Tuân thủ các nguyên tắc trong luật tố tụng dân sự là tuân thủ pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động tố tụng.

Có thể nói, việc Nhà nước ta thể chế hóa quyền tự định đoạt của đương sự là một nguyên tắc quan trọng trong pháp luật tố tụng dân sự là khẳng định pháp luật thực sự đã ghi nhận và bảo đảm cho các đương sự có điều kiện, bằng hành vi của mình, tự mình thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, trên cơ sở đó mà các lợi ích hợp pháp của bản thân đương sự được bảo vệ và tôn trọng. Đúng trên phương diện lập pháp, tinh thần tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự khi xây dựng pháp luật được biểu hiện cụ thể trong các điều khoản, vị trí thứ tự tồn tại của những điều khoản đó trong

các văn bản. Trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự (1989), quyền tự định đoạt của đương sự được quy định ngay tại Điều 2 của Chương I nằm trong phần *Những quy định chung* thì đến Bộ luật Tố tụng Dân sự (2004), quyền này vẫn được khẳng định và được ghi nhận đầy đủ và chi tiết hơn tại Điều 5 của Chương II, chỉ đứng sau *Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa*. Với ý nghĩa là một nguyên tắc tố tụng quan trọng, quyền tự định đoạt của đương sự biểu thị như một nội dung quyền vừa mang giá trị phổ biến vừa có tính đặc thù trong hệ thống quy phạm pháp luật về tố tụng dân sự.

Trước hết, nguyên tắc quyền tự định đoạt được thể hiện thông qua *tính phổ biến*, đó là khả năng thực hiện quyền, tự định đoạt các quyền năng tố tụng của các đương sự là như nhau. Xét về địa vị pháp lý, các đương sự, không phân biệt là nguyên đơn, bị đơn hay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người khác, khi tham gia tố tụng, tùy thuộc vào địa vị tố tụng của họ, pháp luật có quy định khác nhau, nhưng các đương sự đều bình đẳng trước pháp luật. Ví dụ: nếu nguyên đơn có quyền khởi kiện thì bị đơn có quyền bác đơn khởi kiện hoặc đưa ra các yêu cầu phản tố; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra các yêu cầu độc lập v.v. để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng, một bên hoặc các bên đương sự đều có quyền đưa ra các điều kiện, yêu cầu để thương lượng, thoả thuận và hoà giải với nhau nhằm chấm dứt các tranh chấp. Nếu các đương sự không tự giải quyết được có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình trước các vi phạm.

Thứ hai, trên phương diện *tính đặc thù* của nguyên tắc, thì quyền tự định đoạt của đương sự là một nguyên tắc chỉ tồn tại trong pháp luật tố tụng dân sự theo nghĩa rộng (bao gồm tố tụng kinh tế, lao động, hôn nhân và gia đình). Trong hệ thống các nguyên tắc

của tổ tụng hình sự và tổ tụng hành chính không tồn tại nguyên tắc này. Điều này cho thấy, các khái niệm đương sự, tự định đoạt, tự do giao kết, bình đẳng, thoả thuận chỉ hiện diện trong pháp luật tố tụng dân sự. Có sự khác nhau này là do sự khác nhau về tính chất hành vi chủ thể và đối tượng điều chỉnh trong quan hệ pháp luật giữa các ngành luật trên. Tính chất của quan hệ hình sự là trừng phạt. Còn tính chất của quan hệ dân sự là tự do - bình đẳng - thoả thuận.

Như vậy, nguyên tắc tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự là những tư tưởng pháp lý chỉ đạo pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận và bảo đảm cho các đương sự quyền tự mình lựa chọn và thực hiện các quyền năng tố tụng nhằm bảo vệ quyền, lợi hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Quyền tự định đoạt của đương sự trong quan hệ pháp luật tố tụng dân sự trở thành một nguyên tắc pháp lý cơ bản và quan trọng, vừa mang tính đặc thù vừa mang giá trị phổ biến. Đó là tư tưởng pháp lý xuyên suốt mang tính chỉ đạo, được các đương sự sử dụng như một phương tiện pháp lý chủ yếu để thực hiện các quyền năng tố tụng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

#### **4. Ý nghĩa của việc ghi nhận quyền tự định đoạt trong pháp luật tố tụng dân sự**

##### **4.1. Ý nghĩa kinh tế - xã hội**

Quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự là nhóm quyền thủ tục, được phản ánh và quy định bởi nhóm quyền nội dung, tức các quan hệ dân sự. Các quan hệ dân sự là những quan hệ diễn ra trong đời sống dân sự hàng ngày. Các chủ thể dân sự có quyền tự do, tự quyết trong việc thiết lập các giao dịch nhằm phục vụ cho nhu cầu, lợi ích của mình. Đặc trưng cơ bản nhất của quan hệ dân sự là các hành vi dân sự được thiết lập giữa các chủ thể ở vào địa vị pháp lý bình đẳng với nhau. Trong các quan hệ

dân sự, các chủ thể có toàn quyền quyết định tham gia hay không tham gia, xác lập hoặc từ chối thực hiện nội dung quan hệ, quyết định các phương thức thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự.

Khi các bên có quyền tự do trong việc xác lập các giao dịch dân sự thì khi có vi phạm hoặc phát sinh tranh chấp, các chủ thể cũng hoàn toàn có thể tự mình thương lượng, quyết định những nội dung dân sự đã xác lập trước đó. Việc pháp luật ghi nhận quyền tự định đoạt của đương sự trong quá trình giải quyết tranh chấp dân sự chính là phản ánh bản chất, tính chất của các quan hệ dân sự đó. Nói như PGS. TS Phạm Hữu Nghị: “quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự là sự phản ánh của quyền tự định đoạt của các chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự”<sup>12</sup>.

Việc pháp luật tố tụng ghi nhận quyền tự định đoạt của đương sự trong quá trình giải quyết các tranh chấp là một nội dung, một phương thức đặc trưng điển hình của tố tụng dân sự. Đây là căn cứ để phân biệt giữa phương thức giải quyết tranh chấp trong vụ án dân sự với các phương thức được giải quyết trong những vụ án thuộc lĩnh vực khác (hình sự, hành chính...). Quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự thể hiện ở khả năng các chủ thể đó tham gia tố tụng có quyền tự do định đoạt các quyền dân sự của mình nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp trước các vi phạm.

##### **4.2. Ý nghĩa pháp lý**

Quyền tự định đoạt của đương sự được pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận có ý nghĩa pháp lý vô cùng to lớn. Khi các giao lưu kinh tế, dân sự trở thành các hành vi phổ biến và đa dạng trong đời sống xã hội thì các tranh chấp cũng đồng thời phát sinh và diễn ra phức tạp. Xuất phát từ tính chất tự do ý chí, tự định đoạt trong quan hệ dân sự

<sup>12</sup> Phạm Hữu Nghị, “Hoà giải trong tố tụng”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12- 2002, tr 38.



dẫn tới việc khi có tranh chấp các chủ thể cũng có quyền tự do lựa chọn nhiều phương thức, hình thức khác nhau để giải quyết tranh chấp như các bên có thể tự thương lượng, hoà giải hoặc thông qua tài phán Toà án, Trọng tài...

Nếu việc giải quyết tranh chấp của các bên diễn ra tự phát, không tuân theo trình tự, thủ tục nào đó sẽ làm cho việc giải quyết tranh chấp gặp nhiều khó khăn, thậm chí là không đạt được kết quả, vì vậy quyền và lợi ích hợp pháp của các bên sẽ không được bảo vệ. Việc pháp luật ghi nhận quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự đã đặt ra một nguyên tắc, một phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên đương sự theo một trình tự, thủ tục pháp lý nhất định, “pháp luật tố tụng dân sự chính là phương thức bảo đảm cho luật nội dung được thực hiện”<sup>13</sup>. Từ việc quy định đó, một mặt pháp luật phản ánh bản chất đặc trưng của quan hệ dân sự, mặt khác thiết lập cho các đương sự một hệ thống phương tiện pháp lý nhằm giải quyết các tranh chấp diễn ra theo trình tự, nhanh chóng, hiệu quả.

\*        \*

\*

Quyền tự định đoạt là quyền tố tụng cơ bản và phổ biến của đương sự, được đương sự thực hiện trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng, từ khi khởi kiện đến khi kết thúc vụ án dân sự. Quyền tự định đoạt trong tố tụng dân sự là hình thức tồn tại của các quyền được quy định trong pháp luật nội dung, là phương thức bảo đảm cho các quyền dân sự trong luật nội dung được thực hiện. Không có các hành vi giao kết dân sự được xác lập thì các quyền tố tụng sẽ không có môi trường pháp lý phát sinh trên thực tế.

Trong quan hệ tố tụng, quyền tự định đoạt của đương sự là một nguyên tắc pháp lý vừa được biểu hiện như một quyền tố tụng đặc thù, nó phản ánh chất của một lĩnh vực quan hệ cơ bản của đời sống xã hội, đó là quan hệ dân sự. Tính tự do ý chí, tự do cam kết, thoả thuận, định đoạt là “linh hồn” trong các quan hệ dân sự.

Trong mối liên hệ phổ biến, quyền tự định đoạt của đương sự nói riêng và quyền dân sự nói chung không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ với các quyền khác như: quyền về chính trị, kinh tế, văn hoá..., trở thành một chỉnh thể thống nhất trong hệ thống quyền nói chung, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Mặt khác, phạm trù quyền phải đặt trong mối quan hệ với phạm trù nghĩa vụ. Quyền chỉ được bảo đảm khi các nghĩa vụ được thực hiện đầy đủ.

Xét trong thuộc tính, quyền định đoạt vừa có giá trị phổ biến, vừa có tính đặc thù. Giá trị phổ biến của quyền tự định đoạt được biểu hiện ra là nội dung quyền của đương sự được ghi nhận rộng rãi trong pháp luật tố tụng của các quốc gia khác nhau trên thế giới. Dù là quốc gia có hệ thống tư pháp theo cơ chế xét hỏi hay tranh tụng, thì vai trò tự quyết, tự định đoạt của đương sự vẫn được pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận và tôn trọng. Tuy nhiên, qua phân tích ở Chương này và trong thực tiễn xét xử và áp dụng pháp luật của nhiều nước trên thế giới cho thấy rằng, quyền tự định đoạt của đương sự trong pháp luật của các quốc gia theo cơ chế tranh tụng được mở rộng và phản ánh rõ rệt hơn trong từng hành vi tố tụng của đương sự, qua đó có ảnh hưởng chi phối trực tiếp tới các hành vi của các chủ thể tố tụng khác. Ngoài đặc trưng phổ biến của quyền tự định đoạt, tính đặc thù cũng được biểu hiện ở các quốc gia khác nhau, với chế độ kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, văn hoá... khác nhau thì nội dung quyền tự định đoạt của đương sự cũng biểu hiện ở phạm vi rộng hẹp khác nhau.

<sup>13</sup> Phạm Hữu Nghị, “Hoà giải trong tố tụng”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12- 2002, tr 38.